

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2022
(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị LTT, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã PTTA, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh HVQ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã PTTA, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh Q vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2022, các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị LTT trình bày: Vào năm 1993, được sự cho phép của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anh Q nên vợ thành chồng, hôn nhân của chị và

anh Q là hoàn toàn tự nguyện, nhưng đến nay chị và anh Q vẫn chưa có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để chị yêu cầu xin ly hôn với anh Q là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. Anh Q có người phụ nữ khác ở bên ngoài và thường xuyên về gia đình hành hạ đánh đập vợ con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh HVQ.

Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh Q chung sống với nhau có 03 người con tên Huỳnh Ngọc Châm, sinh ngày 01/01/1995, Huỳnh Ngọc Trang, sinh ngày 01/01/1996 và Huỳnh Thái Bảo, sinh ngày 01/01/1998. Hiện tại cả 03 người con của chị đã trưởng thành và có gia đình riêng tư nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung chị T xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ ai nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh HVQ: Mặc dù anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Q vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh HVQ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu Q điếm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị LTT là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh HVQ chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị T và anh Q chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận Q hệ vợ chồng giữa chị T và anh Q.

Về con chung: Khi ly hôn 03 người con của chị T và anh Q đã trưởng thành nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh Q không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị LTT phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị LTT có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Q. Anh Q có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị LTT có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

Anh HVQ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh Q vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Q.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T và anh Q chung sống với nhau vào khoảng năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc không đi đăng ký kết hôn giữa chị T và anh Q là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*

Do đó, theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị T và anh Q không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T xin ly hôn với anh Q thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị T và anh Q ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận Q hệ vợ chồng giữa chị T và anh Q là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Do 03 người con tên Huỳnh Ngọc Châm, sinh ngày 01/01/1995, Huỳnh Ngọc Trang, sinh ngày 01/01/1996 và Huỳnh Thái Bảo, sinh ngày 01/01/1998 của chị T và anh Q đã trưởng thành và đã có gia đình riêng tư. Khi ly hôn anh chị không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Q không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị LTT phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị LTT đối với anh HVQ.

1.1/. Về Q hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị LTT và anh HVQ là vợ chồng.

1.2/. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3/. Về Q hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị LTT phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005057 ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Danh Văn An